

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, L hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Hùng;

- Ông Nguyễn Hoàng Tam.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 398/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, L hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2023/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp PA 1, xã BHP, huyện LH, tỉnh VL;

Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp GTD, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị L có mặt; anh Th vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Vào năm 2015, chị L và anh Th tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý, thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thị xã TC, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 20/4/2016. Thời gian đầu, vợ

chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên cãi vã và sống xa nhau từ năm 2017 cho đến nay, gia đình hai bên đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn Th.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh Th có 01 (một) con chung tên Bùi Thị Minh Thư, sinh ngày 08/4/2016. Hiện con chung đang sống với chị L, khi L hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 755/TB-TLVA ngày 11/10/2022; Th báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 680/TB-TA ngày 14/11/2022 và số 68/TB-TA ngày 08/02/2023 cho anh Bùi Văn Th nhưng anh Th vắng mặt ở địa phương, Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng trên theo quy định pháp luật. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản ý kiến phản hồi của anh Th đối với yêu cầu của chị L và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Bùi Văn Th tại Công an xã TT, thị xã TC; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của anh Th và chị L tại Ban ấp GTD, xã TT, thị xã TC, cụ thể:

- Công an xã TT, thị xã TC cung cấp: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 10, ấp GTD, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG.

- Ban ấp GTD, xã TT, thị xã TC cung cấp: về quan hệ hôn nhân, vợ chồng chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Bùi Văn Th do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu. Thời gian đầu, chị L và anh Th chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên xảy ra cãi vã. Đồng thời, chị L và anh Th đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay và không thấy vợ chồng qua lại với nhau ở địa phương.

Về con chung, giữa chị L và anh Th có 01 (một) con chung tên Bùi Thị Minh Thư, sinh ngày 08/4/2016. Hiện cháu Minh Thư đang sống và được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, không nghe gia đình anh Th hoặc ai báo lại chị L đánh đập, ngược đãi hoặc bỏ bê, không quan tâm con cái.

Về tài sản chung và nợ chung thì không biết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị L và anh Th là hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì chị L và anh Th phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên xảy ra cãi vã. Chị L và anh Th đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do đó, chị L yêu cầu L hôn với anh Bùi Văn Th là có căn cứ.

Về con chung, chị L và anh Th có 01 (một) con chung tên Bùi Thị Minh Thư, sinh ngày 08/4/2016. Hiện cháu Minh Thư đang sống và được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu Minh Thư có nguyện vọng sống chung với chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L được nuôi con chung tên: Bùi Thị Minh Th, sinh ngày 08/4/2016, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu L hôn với anh Bùi Văn Th. Anh Th có nơi cư trú tại tổ 10, ấp GTD, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Bùi Văn Th đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Bùi Văn Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, thị xã TC, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 20/4/2016, hôn nhân giữa chị L và anh Th là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị L khai: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống, đến năm 2017 chị L và anh Th phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên cãi vã và đã không còn chung sống (sống xa nhau) từ năm 2017 cho đến nay, gia đình hai bên đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn Th.

- Qua xác minh tại Ban ấp GTD, xã TT, thị xã TC cung cấp: Thời gian đầu, chị L và anh Th chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên xảy ra cãi vã. Đồng thời, chị L và anh Th đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay và không thấy vợ chồng qua lại với nhau ở địa phương.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh Th phát sinh mâu thuẫn vào năm 2017, do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên xảy ra cãi vã và sống xa nhau từ năm 2017 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị L và anh Th hàn gắn tình cảm, nhưng anh Th vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị L và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị L. Xét, cho chị Nguyễn Thị Trúc L L hôn với anh Bùi Văn Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh Th có 01 (một) con chung tên Bùi Thị Minh Thư, sinh ngày 08/4/2016.

Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Bùi Thị Minh Thư, sinh ngày 08/4/2016, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh Ban ấp Giồng Trà Dên, xã Tân Thạnh thì cháu Minh Thư hiện đang sống và được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, không nghe gia đình anh Th hoặc ai báo lại chị L đánh đập, ngược đãi hoặc bỏ bê, không quan tâm con cái. Ngoài ra, ý kiến của cháu Minh Thư có nguyện vọng sống với mẹ ruột Nguyễn Thị Trúc L.

Xét, chị L yêu cầu được nuôi dạy con chung Bùi Thị Minh Thư, sinh ngày 08/4/2016, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Trúc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Bùi Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Bùi Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L.

Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20 được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 4 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Bùi Văn Th không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Bùi Thị Minh Thư, sinh ngày 08/4/2016, anh Bùi Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Trúc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Bùi Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2022/0007620 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Trúc L đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương